

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

## Năm 2008

| Chỉ tiêu  | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước              |
|---|-------------|------------------------|------------------------|
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự   | VI.1        | 783,379,081,820        | 502,356,819,404        |
| Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự   | VI.2        | 682,526,966,325        | 356,197,601,435        |
| <b>Thu nhập lãi thuần</b>   |             | <b>100,852,115,495</b> | <b>146,159,217,969</b> |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ   |             | 10,989,363,879         | 6,835,529,165          |
| Chi phí từ hoạt động dịch vụ  |             | 4,311,602,453          | 2,775,460,413          |
| <b>Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>  | <b>VI.3</b> | <b>6,677,761,426</b>   | <b>4,060,068,752</b>   |
| <b>Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối</b>   | <b>VI.4</b> | <b>7,511,268,094</b>   | <b>1,931,519,391</b>   |
| <b>Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>                                 |             | 11,026,424,621         | -                      |
| <b>Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>                                     |             | -                      | -                      |
| Thu nhập từ hoạt động khác  | VI.5        | 3,068,733,168          | 17,785,942,164         |
| Chi phí từ hoạt động khác   |             | -                      | 600,000                |
| <b>Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác</b>   |             | <b>3,068,733,168</b>   | <b>17,785,342,164</b>  |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần  | VI.6        | 14,907,509,739         | 27,857,893,500         |
| Chi phí hoạt động   | VI.7        | 117,948,794,006        | 80,645,136,084         |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b> |             | <b>26,095,018,537</b>  | <b>117,148,905,692</b> |
| Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng  |             | 13,305,405,458         | 9,862,492,001          |
| <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>  |             | <b>12,789,613,079</b>  | <b>107,286,413,691</b> |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  | VIII.2      | 3,079,415,342          | 32,180,374,104         |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |             | -                      | -                      |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   |             | <b>3,079,415,342</b>   | <b>32,180,374,104</b>  |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>   |             | <b>9,710,197,737</b>   | <b>75,106,039,587</b>  |
| <b>Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>   |             | -                      | -                      |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>   | <b>VI.8</b> | <b>82</b>              | <b>1,315</b>           |